TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/DS-PT
Ngày: 14 - 01 - 2022
V/v tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Thẩm phán: Ông Dương Tuấn Vinh

Ông Nguyễn Đắc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Thu – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Hạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 33/2021/TLPT-DS ngày 11 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh VL bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2610/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Phan Kim P, sinh năm 1964 (có mặt)

Địa chỉ: số 134, tổ 4, ấp PH, xã PH, huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà P: Luật sư Phạm Minh T, luật sư của Văn phòng luật sư Phạm Minh T thuộc đoàn luật sư tỉnh VL (có mặt).

- *Bị đơn*: Sở Lao Động Thương Binh và Xã Hội, tỉnh VL

Địa chỉ: 42, đường NH, phường 2, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Quốc Th, chức vụ: Phó Chánh Văn phòng (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Day Thi D - sinh năm 1949 (vắng mặt).

Địa chỉ: CA 95116 Hoa Kỳ.

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị Đầy là bà Phan Kim P, sinh năm 1964 (có mặt) .

2. Ông Phan A, sinh năm 1977

3. Ông Phan Amanda Duy A, sinh năm 1979

4. Bà Phan L, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: CA 95132, Hoa Kỳ.

5. Ông Phan Trấn Q, sinh năm 1947 (vắng mặt).

Địa chỉ: phường 2, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phan Kim P, sinh năm 1964 (có mặt).

6. Bà Trần Thị N, sinh năm 1959 (xin xét xử vắng mặt) .

7. Bà Phan Bảo T, sinh năm 1984 (vắng mặt) .

8. Ông Phan Thiện T, sinh năm 1987 (vắng mặt) .

Cùng địa chỉ: phường 2, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện hợp pháp của Bà Phan Bảo T và ông Phan Thiện T là Bà Trần Thị N, sinh năm 1959 (xin xét xử vắng mặt).

9. Bà Phan Lê U, sinh năm 1969 (mất năng lực hành vi dân sự).

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật của bà Phan Lê U là bà Lê Thị T – sinh năm 1937 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: số 441, tổ 8, ấp TB, xã TNĐ , huyện CT, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Lê Thị T là bà Phan Kim P, sinh năm 1964 (có mặt).

10. Ông Nguyễn Văn Bé N, sinh năm 1958 (có mặt);

Địa chỉ: số 4A, ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL.

11. Bà Nguyễn Thị Kim P – sinh năm 1964 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp 8, xã TN, huyện VL, tỉnh VL.

Người đại diện hợp pháp của ông N và bà P là ông Huỳnh Duy Kh, sinh năm 1992 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp BT B, xã HT, huyện MT, tỉnh VL

12. Ông Trần Bá D, sinh năm 1943 (vắng mặt) .

13. Bà Lê Thị B, sinh năm 1952 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL.

Người đại diện hợp pháp của ông D và bà B là ông Trần Bá Tứ Th, sinh năm 1978 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp PB, xã PT, huyện TB, tỉnh VL

14. Bà Trần Thị C,sinh năm 1965 (có mặt) .

15. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông H là bà Trần Thị C (có mặt).

Cùng địa chỉ: Số 2B, ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL.

16. Ông Huỳnh Văn K, sinh năm 1968 (vắng mặt) .

17. Ông Lê Văn D, sinh năm 1961 (có mặt).

18. Bà Nguyễn Kim Th, sinh năm 1976 (vắng mặt).

19. Ông Trần M, sinh năm 1929 (vắng mặt).

20. Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1971 (vắng mặt).

21. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1963 (vắng mặt).

22. Ông Trần Quốc Th, sinh năm 1975 (vắng mặt).

23. Bà Trần Thị Thu S, sinh năm 1978 (vắng mặt).

24. ÔngLê Văn B, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL.

- *Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần M, bà Trần Thị Thu H, bà Nguyễn Thị B, ông Trần Quốc Th, bà Trần Thị Thu S là* ông Trần Hồ N, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: 44/7; đường NH, phường 2, thành phố VL, tỉnh VL.

Đương sự do Tòa án cấp phúc thẩm triệu tập: Uỷ ban nhân dân tỉnh VL (xin xét xử vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé N và bà Nguyễn Thị Kim P.

- *Viện kiểm sát kháng nghị*: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Tại đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Kim P trình bày:*

Bà Phan Thị C (chết năm 1999) và ông Trần Văn C là vợ chồng, ông C chết trước năm 1975 (không có giấy chứng tử), bà C và ông C không có con, bà P không biết cha mẹ ông C tên gì và chết năm nào, bà C có cha tên Phan Đình T (đã chết) và mẹ tên Thái Thị Ph (đã chết), bà C có tất cả 6 anh chị em là ông Phan Đình Sanh có một người con là ông Phan Trấn Q, bà Phan Thị B có hai người con là Phan Minh Đ và Phan Hùng Q, ông Phan Đình H có hai người con là Phan Kim P và Phan Lê U, bà Phan Thị L không có con, bà Phan Thị U không có con và bà C, tất cả anh chị em của bà C đã chết. Bà C chết có để lại di chúc ngày 18/4/1995 có chứng thực của UBND phường P25, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh có nội dung để lại di sản thừa kế cho 5 người cháu của bà C là bà Phan Kim P, bà Phan Lê U, ông Phan Trấn Q, ông Phan Minh Đ và ông Phan Hùng Q .

- Ông Phan Hùng Q (chết ngày 21/12/2015) có vợ tên Day Thi D và ba người con là Phan A, Phan Amanda Duy A và Phan L. Ông Phan Minh Đ chết ngày 22/09/2011 có vợ tên Trần Thị Nga và hai con tên là Phan Bảo Tâm và Phan Thiện T. Bà Phan Lê U bị mất năng lực hành vi dân sự do Tòa án nhân dân huyện CT, tỉnh Đồng Tháp tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự vào ngày 14/4/2017, bà Uyên có cha tên Phan Đình H (chết năm 2007), có mẹ tên Lê Thị T.

- Di sản thừa kế của bà C để lại gồm:

1. Một mẫu đất và một căn nhà trệt nền đúc tường xây gạch xi măng, lợp ngói diện tích 8m x 8m tại ấp TQ, xã TH Bắc, tỉnh VL, diện mặt tiền quốc lộ, sổ địa bộ phần 898.

2. Hai miếng đất thổ cư nhập lại: một miếng 0,0329 ha + một miếng 0,0385 ha cộng chung 0,0714 ha sổ bộ địa củ 655-757, sổ địa bộ mới 478, có một căn nhà trệt ba gian lợp ngói, vách tô đất nền gạch, số nhà 77/1 tọa lạc tại đường Trưng Nữ Vương, quận CT, tỉnh VL.

Trong hai phần di sản nêu trên bà P chỉ tranh chấp phần một mẫu đất ở ấp TQ, xã TH Bắc, tỉnh VL có nguồn gốc năm 1958 bà C mua của ông Mậu và bà Vạng và quản lý sử dụng đến năm 1967 thì bà C về thành phố Hồ Chí Minh sinh sống có nhờ người cháu là bà Trần Thị Tư (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đào (đã chết) giữ dùm, đến năm 1997 Nhà nước thu hồi đất làm đường ở gần nghĩa trang liệt sĩ diện tích 2.114,2m^2 và năm 1998 thu hồi thêm đất làm cầu Mỹ Thuận diện tích 2.266,6m^2 đã bồi thường tiền đất cho bà C nhận, thu hồi phần đất 2.058,4 m^2 để cấp quyền sử dụng đất cho ông Trần M. Sau khi thu hồi đất diện tích còn lại là 4.380,8 m^2 nay là thửa đất số 02, diện tích 1.822,1m^2 và thửa đất số 09, diện tích 2.335,4m^2. Quá trình sử dụng đất bà C đã kê khai đăng ký trong sổ mục kê theo Chỉ thị 299/TTg năm 1980 tại thửa 21 diện tích 10.550m^2 và chương trình đất năm 1991 thửa 82 diện tích 114 m^2 và thửa 84 diện tích 5.601

m^2 nhưng chưa được cấp quyền sử dụng đất. Đến năm 1994 Sở Lao động Thương Binh và xã hội tỉnh VL kê khai trong sổ mục kê tại thửa số 2 và thửa số 9.

+ Thửa đất số 02, diện tích 1.822,1 m^2 đo thực tế là 1.749,8m^2 Sở Lao động Thương Binh và xã hội tỉnh VL đã cho 5 hộ cất nhà ở bao gồm:

1. Hộ ông Nguyễn Văn Bé N sử dụng diện tích 242,5m^2 đo đạc thực tế 586,1 m^2, trên đất có tài sản là một căn nhà, một căn quán và cây trồng.

2. Hộ ông Nguyễn Bá D sử dụng diện tích 89,4m^2 đo đạc thực tế 214,1 m^2 trên đất có tài sản là một căn nhà và cây trồng.

3. Hộ bà Trần Thị C sử dụng diện tích 51,7m^2 đo đạc thực tế 237,5 m^2 trên đất có một căn nhà.

4. Hộ ông Huỳnh Văn K sử dụng diện tích 38,4m^2 đo đạc thực tế 145 m^2 trên đất có tài sản là một căn nhà.

5. Hộ ông Lê Văn D sử dụng diện tích 82,5m^2 đo đạc thực tế 377,2 m^2 trên đất có tài sản là một căn nhà và cây trồng.

Ngoài ra, còn có phần đất lối đi chung của ông D, bà C, ông K và ông D diện tích 189,9m^2.

+ Thửa đất số 09, diện tích 2.335,4 m^2 theo đo đạc thực tế 2.210,1 m^2 do ông Trần M tự lấn chiếm sử dụng, trên đất có nhà của ông Mộng và những người con ông Trần M bao gồm: Chị Trần Thị Hương, Bà Nguyễn Thị B, anh Trần Quốc Th, Bà Trần Thị Thu S và chồng là ÔngLê Văn B.

Nay bà P yêu cầu Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh VL và những người sinh sống trên đất là ông Bé N, ông D, bà C, ông K, ông Dân, ông Trần M, chị Hương, chị Ba, anh Thắng, chị Sương di dời nhà trả đất. Nếu trường hợp những người sinh sống trên đất có nhu cầu sử dụng thì đồng ý cho họ tiếp tục sử dụng đất nhưng phải trả giá trị đất cho bà P theo giá đất thực tế chuyển nhượng tại địa phương 2.683.000đ/m^2 đối với thửa số 2 do ông Bé N, ông D, bà C, ông K, ông Dân quản lý. Riêng thửa đất số 9 ông Trần M và các con ông Mộng sử dụng thì ông Trần M và bà P thống nhất giá đất 500.000đ/m^2.

- Bà Lê Thị T và bà Đặng Thị Đầy do bà P đại diện có ý kiến Trường hợp bà P đòi được phần đất bà C cho ông Phan Hùng Quân và bà Phan Lê U thì bà Tư và bà Đầy tự nguyện cho lại bà P kỷ phần thừa kế của ông Quân và bà Uyên.

- Sở Lao động Thương Binh và xã hội tỉnh VL có ý kiến tại công văn số 402/SLĐTBXH- VP ngày 25/4/2017 và công văn số 328/SLĐTBXH- VP ngày 09/4/2019 như sau:

Sở Lao động Thương Binh và xã hội hiện đang quản lý phần đất thửa số 02, diện tích 1.822,1 m^2 và thửa số 09, diện tích 2.335,4 m^2 tọa lạc tại ấp TQ, xã

TH, thành phố VL, tỉnh VL, trước đây dùng làm khu tập thể cho 05 cán bộ, viên chức làm việc trong ban quản lý nghĩa trang liệt sĩ tỉnh cất nhà tập thể để trông coi nghĩa trang liệt sĩ. Tuy nhiên, đến nay 05 hộ này chỉ còn 01 hộ đang còn công tác trong ngành ở, còn các hộ khác đã chuyển công tác ngành khác hoặc nghỉ hưu. Nay Sở Lao động Thương Binh và xã hội không có nhu cầu để làm khu tập thể nên kính đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cho Sở trả lại hai thửa đất trên về Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý. Phần đất bà Phan Kim P khởi kiện trong vụ án tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất Sở Lao động Thương Binh và xã hội không được Ủy ban nhân dân tỉnh VL giao quyền quản lý và sử dụng đất. Xét thấy trong vụ án tranh chấp đòi lại quyền sử dụng đất này chỉ liên quan đến cá nhân sử dụng trên phần đất của bà Phan Kim P. Do vậy, Sở Lao động Thương binh và xã hội tỉnh VL vắng mặt không tham gia trong vụ kiện và báo để Tòa án biết và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

***-** Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 13/5/2019 của ông Nguyễn Văn Bé N và quá trình giải quyết vụ án anh Khang đại diện cho ông Năm và bà P trình bày:*

Phần đất ông Năm đang sử dụng thuộc thửa số 02, diện tích đo đạc thực tế 586,1m^2 được Ban giám đốc ty thương binh và xã hội tỉnh Cửu Long nay là Sở Lao Động Thương Binh Xã Hội tỉnh VL cho cất nhà ở, phần đất này nằm ngoài khu đất của nghĩa trang liệt sĩ tỉnh, lúc đó là đất vũng ao, ông Năm tự khai phá sang lắp cải tạo để sử dụng từ thời gian đó cho đến nay. Quá trình quản lý sử dụng ông Năm chưa được cấp quyền sử dụng đất.Trên đất có tài sản của ông Năm là một căn nhà cấp 4, một quán nước và một số cây trồng như: 07 cây ca cao, 01 cây xoài, 01 cây khế, 03 cây đu đủ. Ông Năm không đồng ý trả giá trị đất theo yêu cầu khởi kiện của bà P đồng thời yêu cầu Tòa án công nhận phần đất thuộc thửa số 02, diện tích 586,1m^2 thuộc quyền sử dụng hợp pháp của ông Năm.

- Ông Trần Bá D và bà Lê Thị B do ông Trần Bá Tứ Thuyền đại diện trình bày:

Ông D đang quản lý một phần đất thuộc thửa số 2 đo đạc thực tế 214,1 m^2 trên đất có tài sản là một căn nhà và một số cây trồng như: 01 cây cóc, 02 cây vú sữa, 01 cây xoài, 03 cây ổi. Nguồn gốc đất do ông D là nhân viên ban quản lý nghĩa trang liệt sĩ nên được Sở Lao Động Thương Binh và Xã Hội tỉnh VL tạm giao đất có quyết định số 37 ngày 03/07/2003, lúc đó là đất vũng ao, ông D khai phá sang lắp cải tạo để sử dụng từ thời gian đó cho đến nay. Quá trình quản lý sử dụng đất ông D chưa được cấp quyền sử dụng đất. Ông D không đồng ý trả giá trị đất theo yêu cầu khởi kiện của bà P và không có yêu cầu trong vụ án này.

- Bà Trần Thị C và bà C đại diện cho ông H trình bày:

Bà C đang sử dụng một phần đất thuộc thửa số 02 diện tích đo đạc thực tế 237,5 m^2 trên đất có tài sản là một căn nhà. Nguồn gốc đất do năm 1996 bà C là nhân viên ban quản lý nghĩa trang liệt sĩ nên được Sở Lao Động Thương Binh và Xã Hội tỉnh VL cấp tạm nhà nền đất, vách ván, mái tol xi măng theo quyết

định số 87 ngày 24/03/1998 để ở, thời gian sau có sửa chữa lại thành căn nhà cấp 4, nền lót gạch men, mái tol, vách tường. Quá trình quản lý sử dụng đất chưa được cấp quyền sử dụng đất. Bà C không đồng ý trả giá trị đất theo yêu cầu bà P và không có yêu cầu trong vụ án này. Bà C đại diện ông H thống nhất lời trình bày của bà C, không ý kiến gì thêm.

- Ông Huỳnh Văn K trình bày:

Ông K đang sử dụng một phần đất thuộc thửa số 2 diện tích đo đạc thực tế 145 m^2 trên đất có tài sản là một căn nhà. Nguồn gốc đất do năm 1985 ông K là nhân viên ban quản lý nghĩa trang liệt sĩ nên được Sở Lao Động Thương Binh và Xã hội tỉnh VL cho nhà nền gạch tàu, vách ván, mái lá để ở, khi cho không có giấy tờ, thời gian sau có sửa chữa lại thành căn nhà cấp 4, nền lót gạch men, mái tol, vách tường. Quá trình quản lý sử dụng đất chưa được cấp quyền sử dụng đất. Ông K không đồng ý trả giá trị đất theo yêu cầu bà P và không có yêu cầu trong vụ án này.

- Ông Lê Văn D trình bày:

Ông D sử dụng một phần đất thuộc thửa số 2 diện tích đo đạc thực tế 377,2m^2 trên đất có tài sản là một căn nhà và một số cây trồng. Nguồn gốc đất do năm 1996 ông D là nhân viên ban quản lý nghĩa trang liệt sĩ nên được Sở Lao Động Thương Binh và Xã hội tỉnh VL cấp tạm nhà nền đất, vách ván, mái tol xi măng theo quyết định số 01 ngày 07/01/1998 để ở, thời gian sau có sửa chữa lại thành căn nhà cấp 4, nền lót gạch men, mái tol, vách tường. Quá trình quản lý sử dụng đất chưa được cấp quyền sử dụng đất. Ông D không đồng ý trả giá trị đất theo yêu cầu của bà P và không có yêu cầu trong vụ án này.

Bà Nguyễn Kim Th là vợ ông D thống nhất ý kiến ông D không có yêu cầu trong vụ án này.

- Tại đơn yêu cầu độc lập ngày 22/4/2019 của ông Trần M và quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Trần M, Trần Thị Thu Hương, Nguyễn Thị B, Trần Quốc Th, Trần Thị Thu S là ông Trần Hồ N có ý kiến như sau:

Gia đình ông Mộng bao gồm ông Trần M, bà Nguyễn Thị B, bà Trần Thị Thu S và chồng là ÔngLê Văn B, ông Trần Quốc Th, Trần Thị Thu Hương đang quản lý và sử dụng phần đất thuộc thửa đất số 09, diện tích 2.335,4m^2 theo đo đạc thực tế diện tích 2.210,1m^2 loại đất vườn, tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL từ năm 1983, Ông Mộng yêu cầu Tòa án công nhận cho ông Trần M được quyền sử dụng hợp pháp phần đất này và đồng ý trả giá trị đất cho bà P mức giá 500.000đ/m^2

- ÔngLê Văn B là chồng của Bà Trần Thị Thu S không có ý kiến và yêu cầu trong vụ án này.

- Bà Trần Thị N đại diện cho Bà Phan Bảo T và Ông Phan Thiện T có ý kiến như sau: Bà N là vợ của ông Phan Minh Đăng (chết năm 2011, ông Đăng gọi bà C bằng dì), bà N và ông Đăng có hai con chung là chị Tâm và anh Toàn, bà N và bà Nga đại diện cho chị Tâm và anh Toàn thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà P, đồng ý giao kỷ phần thừa kế của ông Phan Minh Đăng cho bà P được hưởng theo nội dung tờ di chúc ngày 18/4/1995.

- Ông Phan Trấn Q có ý kiến như sau: Ông Q gọi bà C bằng cô, ông Q thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của bà P, ông Q đồng ý giao kỷ phần thừa kế của ông Q cho bà P được hưởng theo nội dung tờ di chúc ngày 18/4/1995.

- Ông Phan A, Phan Amanda Duy A và Phan L cùng trình bày như sau:

Ông Quan Hung Phan (Phan Hùng Quân, chết ngày 21/12/2015) và bà Day Thi D có tất cả ba người con là anh Phan A, Phan Amanda Duy A và Phan L. Khi ông Quân chết không để lại di chúc. Vào ngày 18/04/ 1995 bà C có để lại di chúc cho đất ông Quân. Di sản thừa kế là mẫu đất và một căn nhà trệt nền đúc tường xây gạch xi măng, lợp ngói xi măng. Trường hợp bà P đòi được phần đất bà C cho ông Phan Hùng Quân thì anh Phan A, Ông Phan Amanda Duy A và Bà Phan L không nhận, tự nguyện cho lại bà P kỷ phần thừa kế của ông Phan Hùng Quân.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 04/2020/DS-ST ngày 21 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh VL đã quyết định như sau:

1.Công nhận sự thỏa thuận của bà Phan Kim P và ông Trần M; Sự thỏa thuận của bà Phan Kim P và ông Trần M cụ thể như sau:

1.1. Ông Trần M được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 2.210,1m^2 thuộc thửa số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL. Phần đất 2.210,1m^2 có vị trí gồm các mốc g, 2, 3, 4, b, c, d, e, f, g theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 23/6/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh VL (kèm theo bản án).

1.2. Ông Trần M có nghĩa vụ trả bà Phan Kim P giá trị phần đất diện tích 2.210,1m^2 thuộc thửa số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL bằng số tiền 1.105.050.000đ (một tỷ, một trăm lẻ năm triệu, không trăm năm mươi ngàn đồng).

- Về tài sản trên phần đất diện tích 2.210,1m^2 thuộc thửa số 9, loại đất trồng cây lâu năm, tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL thì ông Trần M, Bà Nguyễn Thị B, chị Trần Thị Thu H và Bà Trần Thị Thu S tự thỏa thuận không yêu cầu tòa án giải quyết.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Kim P

2.1. Ông Nguyễn Văn Bé N được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 586,1 m^2 và toàn bộ tài sản của ông Năm nằm trên đất thuộc

tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL. Phần đất 586,1 m^2 có vị trí gồm các mốc e, 23, 24, 25, 26, 27, 17, c, d, e theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/01/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh VL (kèm theo bản án).

- Ông Nguyễn Văn Bé N có nghĩa vụ trả bà Phan Kim P giá trị phần đất diện tích 586,1 m^2 thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL bằng số tiền 439.575.000 đ (bốn trăm ba mươi chín triệu, năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

2.2. Ông Trần Bá D được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 214,1m^2 và toàn bộ tài sản của ông D nằm trên đất thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL. Phần đất 214,1 m^2 có vị trí gồm các mốc 26, 25, 28, 14, 15, 16, 17, 27, 26 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/01/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh VL (kèm theo bản án).

- Ông Trần Bá D có nghĩa vụ trả bà Phan Kim P giá trị phần đất diện tích 214,1 m^2 thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL bằng số tiền 160.575.000 đ (một trăm sáu mươi triệu năm trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

2.3. Bà Trần Thị C được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 237,5m^2 và toàn bộ tài sản của bà C nằm trên đất thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL. Phần đất 237,5 m^2 có vị trí gồm các mốc 28, 29, 30, 13, 14, 28 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/01/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh VL (kèm theo bản án).

- Bà Trần Thị C có nghĩa vụ trả bà Phan Kim P giá trị phần đất diện tích 237,5 m^2 thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL bằng số tiền 178.125.000 đ (một trăm bảy mươi tám triệu một trăm hai mươi lăm ngàn đồng).

2.4. Ông Huỳnh Văn K được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 145 m^2 và toàn bộ tài sản của ông K nằm trên đất thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL. Phần đất 145 m^2 có vị trí gồm các mốc 29, 31, 32, 33, 12, 13, 30, 29 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/01/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh VL (kèm theo bản án).

- Ông Huỳnh Văn K có nghĩa vụ trả bà Phan Kim P giá trị phần đất diện tích 145 m^2 thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL bằng số tiền 108.750.000đ (một trăm lẻ tám triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

2.5. Ông Lê Văn D được quyền quản lý và sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 377,2m^2 và toàn bộ tài sản của ông D nằm trên đất thuộc tách thửa số

2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL. Phần đất 377,2m^2 có vị trí gồm các mốc 5, 9, 10, 11, 12, 33, 32, 31, 5 theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/01/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh VL (kèm theo bản án).

- Ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả bà Phan Kim P giá trị phần đất diện tích 377,2m^2 thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL bằng số tiền 282.900.000 đ (hai trăm tám mươi hai triệu chín trăm ngàn đồng).

2.6. Ông Trần Bá D, bà Trần Thị C, ông Huỳnh Văn K, ông Lê Văn D được quyền sử dụng hợp pháp phần đất diện tích 189,9m^2 thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL để làm lối đi chung. Phần đất 189,9m^2 có vị trí gồm các mốc a, 2, 3, 4, 5, 31, 29, 28, 25, 24, 23, e, f, a theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 18/01/2019 của Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh VL (kèm theo bản án).

- Ông Trần Bá D, bà Trần Thị C, ông Huỳnh Văn K, ông Lê Văn D có nghĩa vụ trả bà Phan Kim P giá trị phần đất diện tích 189,9m^2 thuộc tách thửa số 2, loại đất nghĩa địa tọa lạc tại ấp TQ, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL bằng số tiền 142.425.000đ (một trăm bốn mươi hai triệu, bốn trăm hai mươi lăm ngàn đồng) trong đó ông D, bà C, ông K và ông D mỗi người có nghĩa vụ trả giá trị đất cho bà P là 35.606.250đ (ba mươi lăm triệu, sáu trăm lẻ sáu ngàn hai trăm năm mươi đồng).

Ông Trần M, ông Nguyễn Văn Bé N, ông Trần Bá D, bà Trần Thị C, ông Huỳnh Văn K và ông Lê Văn D được quyền liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí tố tụng khác, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm,

- Ngày 04/6/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé N, bà Nguyễn Thị Kim P kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

- Ngày 05/6/2020 Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL có quyết định số 100/2020/KNPT-DS kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sử dụng đối với phần đất mà ông Năm, bà P đang quản lý, sử dụng. Nguyên đơn, bị đơn không đồng ý yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL.

Trong phần tranh luận:

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo giữ nguyên ý kiến tại đơn kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn trình bày: Phần đất tranh chấp hiện tại không còn quyền quản lý của Sở lao động thương binh và xã hội tỉnh VL. Do đó, vụ án chỉ liên quan đến cá nhân sử dụng đất của bà P. Bản án sơ thẩm đã xem xét đúng quy định pháp luật, phần đất của ông Năm chưa được cấp có thẩm quyền là Uỷ ban nhân dân giao đất nên việc ông Năm sử dụng đất là không hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo qui định của luật tố tụng hiện hành, không làm ảnh hưởng tới quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Xét về nội dung vụ án, bản án sơ thẩm đã xét xử là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa đã rút toàn bộ quyết định kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL. Căn cứ Điều 312 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với nội dung quyết định kháng nghị số 100/2020/KNPT-DS ngày 05/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm, ngoài quyết định kháng nghị thì người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Bé N, bà Nguyễn Thị Kim P có đơn kháng cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét toàn bộ bản án sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm do có yêu cầu kháng cáo của đương sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm có những sai sót về thủ tục tố tụng như sau:

[2.1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Phan Kim P yêu cầu bị đơn là Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh VL và những người đang sinh sống trên đất trả lại 02 phần đất tại ấp Tân Phú, xã TH, thành phố VL, tỉnh VL gồm:

+ Thửa đất số 02, diện tích 1.822,1 m^2 đo thực tế là 1.749,8m^2

+ Thửa đất số 09, diện tích 2.335,4 m^2 theo đo đạc thực tế 2.210,1 m^2

Phần đất trên nằm trong di sản thừa kế của bà Phan Thị C. Ngày 18/4/1995 bà C có di chúc để lại tài sản cho 05 người cháu gồm: Bà Phan Kim P, bà Phan Lê U (có đại diện theo pháp luật là bà Lê Thị T), ông Phan Trấn Q, ông Phan Minh Đăng (người thừa kế là vợ Bà Trần Thị N và 02 con), ông Phan Hùng Quân (người thừa kế là vợ bà Đặng Thị Đầy và 03 người con).

Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án tranh chấp "Đòi lại quyền sử dụng đất" là có căn cứ. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập ý kiến trình bày của các đồng thừa kế còn lại, nhận định và công nhận cho bà P được hưởng thừa kế toàn bộ phần đất trên (do các đồng thừa kế đồng ý giao kỷ phần thừa kế cho bà P) là vượt quá quan hệ tranh chấp đã xác định ban đầu. Trường hợp này cần phải xác định lại yêu cầu của bà P, nếu bà P với tư cách là người thừa kế của bà C để đòi lại quyền sử dụng đất đang bị người khác sử dụng thì quan hệ tranh chấp là "Đòi lại quyền sử dụng đất", còn nếu giải quyết vụ án như Tòa án cấp sơ thẩm thì quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Đòi lại quyền sử dụng đất và chia thừa kế".

[2.2] Về xác định người tham gia tố tụng:

- Tại văn bản số 402/SLĐTBXH-VP ngày 25/4/2017 và 328/SLĐTBXH-VP ngày 09/4/2019, Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh VL có ý kiến xin trả lại 02 thửa đất đang tranh chấp cho Uỷ ban nhân dân tỉnh VL vì không còn nhu cầu sử dụng. Theo nội dung trên thì bị đơn được sử dụng phần đất là do Uỷ ban nhân dân tỉnh cấp. Mặt khác, tại văn bản số 2030/UBND-BTCDNC ngày 04/5/2020 Uỷ ban nhân dân tỉnh VL xác định theo tư liệu Chỉ thị 299/TTg ngày 10/11/1980 và tư liệu đo đạc bản đồ giải thửa năm 1991 thì bà C đứng tên trong sổ mục kê, nhưng đến tư liệu 60/CP thì Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh VL đứng tên trong sổ mục kê.

Do đó, cần thiết phải đưa Uỷ ban nhân dân tỉnh VL là cơ quan có thẩm quyền quản lý đất đai tại địa phương vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ việc thay đổi người đăng ký kê khai phần đất trên qua các thời kỳ. Trước khi giao phần đất trên cho Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh sử dụng thì Uỷ ban nhân dân tỉnh có quyết định thu hồi phần đất trên hay không? Tòa án cấp phúc thẩm đã triệu tập Uỷ ban nhân dân tỉnh VL tham gia tố tụng, tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, thiếu sót này của cấp sơ thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm không khắc phục được.

[3] Về nội dung:

[3.1] Theo trình bày của nguyên đơn, phù hợp với nội dung văn bản số 573/STNMT ngày 20/4/2009 của Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh VL, văn bản số 2030/UBND-BTCBNC ngày 04/5/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh VL thì:

Năm 1958 bà C có mua một mẫu đất ở tại ấp Tân Quới, xã TH Bắc, tỉnh VL. Năm 1970 bà C chiết 1.560m^2 cho Quốc gia Việt Nam, bà C còn lại 8.440m^2. Năm 1997 Nhà nước thu hồi đất làm đường ở gần nghĩa trang liệt sĩ diện tích 2.114,2m^2. Năm 1998 thu hồi thêm đất làm cầu Mỹ Thuận diện tích 2.266,6m^2, thu hồi phần đất 2.058,4 m^2 để cấp quyền sử dụng đất cho ông Trần M. Sau khi thu hồi đất diện tích còn lại là 4.380,8 m^2 nay là thửa đất số 02, diện tích 1.822,1m^2 và thửa đất số 09, diện tích 2.335,4m^2.

Quá trình sử dụng đất bà C đã kê khai đăng ký trong sổ mục kê theo Chỉ thị 299/TTg năm 1980 tại thửa 21 diện tích 10.550m^2. Tư liệu chương trình năm 1991 thì bà C đăng ký thửa 82 diện tích 114m^2 và thửa 84 diện tích 5.601m^2; Thửa 83 diện tích 96m^2 thì ông Tống Ngọc Chơn đứng tên trong sổ mục kê; Thửa 85 diện tích 111m^2, một phần thửa 86 diện tích 5.326m^2, một phần thửa 87 diện tích 5.145m^2 do khu tập thể nghĩa trang đứng tên trong sổ mục kê. Năm 1994 theo tư liệu 60/CP Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh VL kê khai trong sổ mục kê tại thửa số 2 diện tích 1.822,1m^2 và thửa số 9 diện tích 2.335,4m^2.

[3.2] Tờ di chúc ngày 18/4/1995 của bà Phan Thị C được Uỷ ban nhân dân Phường 25, quận BT chứng nhận có nội dung: Bà C để lại tài sản cho các cháu ruột, trong đó có một mẫu đất và 01 căn nhà trệt nền đúc xi măng diện tích 8m x 8m sổ địa bộ phần đất là 898 tọa lạc tại ấp Tân Quới, xã TH Bắc, tỉnh VL. Hồ sơ vụ án không có tài liệu liên quan đến phần đất có sổ địa bộ phần đất 898. Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, văn bản của cơ quan có thẩm quyền thì có cơ sở xác định bà C có mua một phần đất vào năm 1958. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu, chứng cứ để làm rõ sổ địa bộ phần đất 898 và thửa 21 là một hay hai phần đất, nên chưa đủ cơ sở để xác định phần đất bà C nêu trong di chúc chính là phần đất bà C mua năm 1958.

[3.3] Theo các tài liệu đăng ký quyền sử dụng đất thì năm 1980 theo Chỉ thị 299/TTg bà C đăng ký thửa 21 diện tích là 10.550m^2. Tư liệu chương trình năm 1991 thì thửa 21 tách thành các thửa 82, 83, 84, 85, 86, 87 với tổng diện tích (theo văn bản số 2030/UBND-BTCBNC ngày 04/5/2020) là 16.393 m^2, trong đó bà C đăng ký 02 thửa 82 và 84 với diện tích 5.715m^2. Bà P trình bày năm 1958 bà C mua 01 mẫu (tức là 10.000m^2) đất từ ông Mậu, bà Vạng. Mặt khác, quá trình sử dụng phần đất trên đã có sự biến động về diện tích khi bị Nhà nước thu hồi vào các năm 1970, 1997, 1998. Nếu căn cứ vào lời trình bày của bà P là bà C mua 1 mẫu đất = 10.000m^2 thì diện tích đất của bà C còn lại phải là 10.000m^2 - 1.560m^2 (cho quốc gia Việt Nam năm 1970) – 2.114,2m^2 (thu hồi năm 1997) - 2.266,6m^2 (thu hồi năm 1998) - 2.058,4m^2 (phần đất của ông Mộng mà bà P không tranh chấp) = 2.000,8m^2. Trong khi, diện tích bà P kiện đòi là 4.380,8m^2 (thửa số 02 và số 09) là có sự chênh lệch với diện tích đất còn lại của bà C. Tòa án cấp sơ thẩm chưa thu thập tài liệu chứng cứ để làm rõ vì sao có sự khác nhau về diện tích đất mà bà C đã mua với diện tích đất đăng ký kê khai qua

các thời kỳ, để xác định phần diện tích cụ thể của bà C được quyền sử dụng hợp pháp là chưa đủ căn cứ để xem xét yêu cầu khởi kiện của bà P.

[3.4] Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh VL được sử dụng phần đất trên là do được Uỷ ban nhân dân tỉnh giao đất. Như đã nhận định ở phần [2.2], Tòa án cấp sơ thẩm không đưa Uỷ ban nhân dân tỉnh VL vào tham gia tố tụng nên không làm rõ được vì sao phần đất bà C đã đăng ký kê khai, nhưng Uỷ ban nhân dân tỉnh được quyền quản lý và giao lại cho Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh. Văn bản số 2030/UBND-BTCDNC ngày 04/5/2020 của Uỷ ban nhân dân tỉnh lại xác định thửa đất số 02 và thửa số 09 không bị thu hồi và giao cấp cho ai, chưa có ai đăng ký quyền sử dụng đất và phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào, cũng không thuộc trường hợp đất nằm trong quy hoạch công trình công cộng. Ngoài ra, hình thể và vị trí thửa số 9 không trùng khớp với thửa 21 theo Chỉ thị 299/TTg. Như vậy thửa số 02 và thửa 09 có thuộc thửa đất 21 mà bà C đã mua năm 1958 hay thuộc một phần đất khác. Vấn đề này cần phải làm rõ để làm căn cứ xem xét yêu cầu của bà P.

[3.5] Tại văn bản số 829/SLĐTBXH ngày 16/11/2009 Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh VL xác định phần đất tranh chấp vào năm 1975 hoang hóa không có chủ. Đến năm 1984 Sở đã xây cất nhà tập thể cho nhân viên trong Ban quản lý nghĩa trang ở. Hiện trạng đất có nhà do 05 hộ dân xây dựng. Theo xác nhận của Sở Lao động thương binh xã hội tỉnh thì hiện nay chỉ còn 01 hộ đang còn công tác trong ngành ở, các hộ khác đã chuyển công tác ngành khác hoặc nghỉ hưu. Xét, cần làm rõ những hộ dân này được Sở Lao động thương binh và xã hội tỉnh giao đất xây nhà ở như thế nào, chỉ trong khoảng thời cụ thể hay không thời hạn để xác định người có nghĩa vụ phải trả lại đất theo yêu cầu của bà P.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã có những thiếu sót về tố tụng gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Những thiếu sót này Tòa án cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, Hội đồng xét xử không chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Bản án sơ thẩm bị hủy do có những thiếu sót về tố tụng nên Hội đồng xét xử không xem xét nội dung vụ án.

[5] Án phí: Do hủy bản án sơ thẩm nên người có kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 312, khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với Quyết định kháng nghị số 100/2020/KNPT-DS ngày 05/6/2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn Bé N, bà Nguyễn Thị Kim P (người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan).

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 21/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh VL; Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn Bé N và bà Nguyễn Thị Kim P không phải chịu. Hoàn trả mỗi đương sự 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai thu số 0002698, 0002699 ngày 04/06/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh VL.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh VL;
- VKSND tỉnh VL;
- Cục THADS tỉnh VL;
- NĐ (1);
- BĐ (1);
-NLQ (24);
- Lưu (10) 41b (Án VTPT).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Duyên